TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦN VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-VDS	*Lộc Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Oanh – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên họp: Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 81/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019, về việc *"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 13/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Võ Thị H, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi,N vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Ông Trần Văn N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ý kiến của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Võ Thị H trình bày: Ngày 05/6/2018 ông Trần Văn N, bà Huỳnh Thị Đ có viết 01 giấy thể hiện ông bà có thửa đất diện tích 10.026m^2 sang nhượng cho bà H để khấu trừ số nợ 600.000.000 đồng. Sau đó, bà H không có nhu cầu mua nữa nên đã báo cho ông N, bà Đ và yêu cầu giải quyết số nợ 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Đ đồng ý trả tiền cho bà H, bà H cũng đồng ý nên được Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Căn cứ

vào quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 50/2018/QĐST-DS ngày 16/11/2018, bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H số tiền 550.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Trần Văn N có ý kiến trong trường hợp bà Đ không trả đủ số nợ trên thì ông đồng ý bán thửa đất ở ấp 8, xã L để trả nợ cho bà Đ.

Sau khi có quyết định, bà Đ không tự nguyện trả tiền nên bà H phải yêu cầu thi hành án. Bà Đ đã thi hành được một phần, số tiền còn lại 502.524.384đ chưa thi hành. Nay bà H yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Đ trong khối tài sản là thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất có 400 nọc tiêu và 01 căn nhà xây tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước để thi hành án cho bà H.

Ý kiến của người liên quan – bà Huỳnh Thị Đ trình bày: Ông N và bà Đ sống chung khoảng năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung thì ông N có tài sản riêng là thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất trồng 400 nọc tiêu và làm 01 căn nhà xây, tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Bà Đ cũng có tài sản riêng nhưng đã bán hết để thi hành án cho bà H. Ông N, bà Đ không có tài sản chung. Nay bà H yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của bà Đ trong khối tài sản là thửa đất diện tích 10.026m^2 và tài sản trên đất để thi hành án cho bà H thì bà Đ xác định đây là tài sản của ông N, bà Đ không liên quan đến tài sản này.

Ý kiến của người liên quan – ông Trần Văn N trình bày: Ông N và bà Đ sống chung năm nào không nhớ, khi chung sống không đăng ký kết hôn. Trước khi sống chung với bà bà Đ thì ông N có tài sản riêng là thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất trồng 400 nọc tiêu, tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Khi chung sống, bà Đ có đóng góp 20.000.000 đồng để xây 01 căn nhà trên đất này. Ngoài ra ông N, bà Đ không có tài sản chung. Nay bà H yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của bà Đ trong khối tài sản là thửa đất diện tích 10.026m^2 và tài sản trên đất để thi hành án cho bà H thì ôngN không đồng ý, vì trách nhiệm trả nợ là của bà Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến khi mở phiên họp giải quyết việc dân sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 29, Điều 361, Điều 362, Điều 367, Điều 369 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đối với thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất có 400 nọc tiêu, tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L là tài sản riêng của ông Trần Văn N. Bà Huỳnh Thị Đ không có quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị H về việc xác định căn nhà xây cấp 4 làm trên thửa đất diện tích 10.026m^2 của ông N có một phần công sức đóng góp của bà Đ số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Huỳnh Thị Đ trong khối tài sản của ông Trần Văn N gồm thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất trồng 400 nọc tiêu và 01 căn nhà xây tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước để thi hành án cho bà H. Do đó, xác định đây là yêu cầu *"Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"* được quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đ có hộ khẩu tại xã L, huyện L. Ông N có hộ khẩu tại xã L, huyện L. Tài sản yêu cầu xác định tọa lạc tại xã L, huyện L nên yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, người liên quan bà Đ vắng mặt nhưng có đơn xin vắng. Ông N vắng mặt nhưng Tòa án đã tống đạt các thủ tục. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu của bà Võ Thị H, xét thấy:

Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa số 50/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2018: Bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị H số tiền 550.000.000 đồng. Quyết định có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh đã bán tài sản của bà Đ để thi hành được một phần. Số còn lại chưa thi hành. Sau đó, bà H tiếp tục có đơn yêu cầu thi hành phần tài sản của ông N. Do ông N đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ nên bà H yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Đ trong khối tài sản chung của ôngN.

Theo lời khai của Huỳnh Thị Đ và ông Trần Văn N chung sống với nhau khoảng năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, khoảng 4 - 5 năm nay không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình chung sống, không có tài sản chung. Ông N có tài sản là thửa đất diện tích 10.026m^2 thuộc thửa đất số 332, tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước được Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00762 ngày 23/5/2014. Đến ngày 21/6/2019, được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00623 ngày 01/7/2019 đứng tên hộ ông Trần Văn N. Ông

N, bà Đ đều thống nhất thửa đất và nhà, tiêu trên đất là tài sản riêng của ông N, ông N nhận chuyển nhượng trước khi sống chung với bà Đ. Tuy nhiên, ông N xác định bà Đ có đóng góp số tiền 20.000.000 đồng xây nhà trên đất.

Tại biên bản xác minh ngày 26/9/2019, UBND xã L, huyện L cung cấp: Năm 2002 chồng bà Đ là ông Đ1 chết. Sau khi ông Đ1 chết, trong sổ bộ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Lộc Thái không có tên đăng ký kết hôn của bà Huỳnh Thị Đ. Tại công văn số 85 ngày 01/10/2019, UBND xã L, huyện L xác nhận ông N có chung sống như vợ chồng với bà Huỳnh Thị Đ, tuy nhiên không đăng ký kết hôn tại địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 28/10/2019 của TAND huyện Lộc Ninh, trên thửa đất diện tích 10.026m^2 có tiêu và 01 căn nhà xây tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L.

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông N chung sống với nhau năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại: Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*: "Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng"* và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền,N vụ giữa vợ và chồng"* . Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông N không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nghĩa vụ trả tiền là của bà Đ đối với bà H. Tài sản có trước khi bà Đ chung sống với ông N và thửa đất cấp cho hộ ông N đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, nhưng trong sổ hộ khẩu của ông N không có tên của bà Đ. Ông N không thống nhất là tài sản chung nên không có căn cứ xác định là tài sản chung của bà Đ. Như vậy, tài sản gồm thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất có 400 nọc tiêu, tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L là tài sản riêng của ông Trần Văn N nên không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Đ trong khối tài sản chung của ông N. Tuy nhiên, đối với căn nhà trên đất ông N thừa nhận khi sống chung bà Đ có đóng góp số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* để xây nhà trên đất nên cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà H.

[3] Quan điểm của Viện khiển sát nhân dân huyện Lộc Ninh là có căn cứ, phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về Lệ phí: Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bà Đ ông N phải chịu lệ phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 điều 39, khoản 2 Điều 40, Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 214, Điều 215, Điều 216 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 207, Điều 208, Điều 209 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000
- Khoản 1 Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 4, Điều 37 Nghị quyết 326 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị H về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của bà Huỳnh Thị Đ trong khối tài sản chung của ông Trần Văn N đối với thửa đất diện tích 10.026m^2, trên đất có 400 nọc tiêu, thuộc thửa số 332, tọa lạc tại ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước được Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00623 ngày 01/7/2019 đứng tên hộ ông Trần Văn N.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị H về việc xác định căn nhà xây làm trên thửa đất diện tích 10.026m^2 của ông N có một phần công sức đóng góp của bà Đ số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* tại thời điểm xây dựng.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nôp theo biên lai thu tiền số 0000178 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- CCTHADS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kiều Chinh